

Xây dựng Nông thôn mới đã và đang triển khai rộng khắp cả nước. Bên cạnh kết quả đạt được thì ở một số địa phương cũng gặp phải những khó khăn nhất định. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả giới thiệu về kinh nghiệm xây dựng nông thôn ở một số nơi cũng như thực trạng xây dựng Nông thôn mới ở Thành phố Cần Thơ để các địa phương có thể học hỏi kinh nghiệm trong quá trình xây dựng Nông thôn mới ở địa phương của mình.

KINH NGHIỆM XÂY DỰNG NÔNG THÔN Ở MỘT SỐ NƠI VÀ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thạc sĩ Dương Anh Đào

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển nông nghiệp (NN) để xây dựng một nông thôn (NT) mới đã và đang là mối quan tâm chung của cộng đồng cả nước. Xây dựng Nông thôn mới (NTM) không phải là một kế hoạch ngắn hạn mà là một quốc sách lâu dài và được xem là *Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM*. Xây dựng NTM được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay ở nước ta nhằm hướng đến thực hiện mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa, từng bước xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và NT, giữa lao động chân tay và lao động trí óc, để đi đến kết quả là giai cấp công nhân, nông dân và trí thức sẽ trở thành những người lao động của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Thực tiễn cho thấy, những xã hội tiến bộ bao giờ cũng chú ý tới việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và NT, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở NT,... Vì vậy, bên cạnh đẩy mạnh công tác nghiên cứu lí luận, tổng kết thực tiễn của quá trình xây dựng NTM, chúng ta cần học tập kinh nghiệm lẫn nhau để xây dựng hoàn thiện hệ thống các quan điểm lí luận về phát triển NN, nông dân và NT làm cơ sở khoa học cho thực tiễn.

Thế nên, việc tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng NTM của một số nước trên thế giới và một số địa phương của Việt Nam sẽ là bài học quý báu cho quá trình xây dựng NTM ở nước ta nói chung và Thành phố Cần Thơ (TPCT) nói riêng.

2. KINH NGHIỆM THỰC TIỄN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1. Nước ngoài

2.1.1. Nhật Bản: “Mỗi làng một sản phẩm”

Năm 1979, ở tỉnh Oi - ta (Nhật Bản) đã hình thành và phát triển phong trào “*Mỗi làng một sản phẩm*” (one village one product - OVOP), với mục tiêu phát triển vùng NT của khu vực này tương xứng với sự phát triển chung của Nhật Bản. Phong trào OVOP được xây dựng trên 3 nguyên tắc chính: “*địa phương hóa rồi hướng tới toàn cầu; tự chủ, tự lập và nỗ lực sáng tạo; và phát triển nguồn nhân lực*”. Trong đó, nhấn mạnh đến vai trò của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ kỹ thuật, quảng bá, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Theo đó, người nông dân Nhật Bản sản xuất rồi tự chế biến, tự đem đi bán mà không cần phải qua thương lái. Chính vì vậy mà họ được hưởng toàn bộ thành quả chứ không cần phải chia sẻ lợi nhuận qua khâu trung gian nào. Chỉ tính riêng trong 20 năm (1979 - 1999), phong trào OVOP đã tạo ra được 329 sản phẩm bình dị và đơn giản như nấm, cam, cá khô, chè, măng tre,... được sản xuất với chất lượng tốt và bán ra với giá thành cao.

2.1.2. Hàn Quốc: “Phong trào Làng mới”

Trong những năm 1960, GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc chỉ có 85 USD, phần lớn người dân không đủ ăn, 80% người dân không có điện để thắp sáng và phải dùng đèn dầu, sống trong những căn nhà lợp bằng lá. Là nước NN trong khi hạn hán và lũ lụt lại thường xuyên xảy ra nên mối lo lớn nhất của Chính Phủ khi đó là làm sao đưa đất nước thoát khỏi đói, nghèo.

Phong trào Làng mới (SU) ra đời với 3 tiêu chí: *Cần cù (chăm chỉ), tự lực và hợp tác (hiệp lực cộng đồng)*. Năm 1970, sau những dự án thí điểm đầu tư có hiệu quả, Chính Phủ Hàn Quốc chính thức phát động phong trào SU và được nông dân hưởng ứng mạnh mẽ. Vì thế, sau 8 năm (1971 – 1978), bộ mặt NT Hàn Quốc có những thay đổi đáng kể. Các dự án phát triển kết cấu hạ tầng NT cơ bản đã hoàn thành như: đã cứng hóa được 43.631km đường làng nối với đường của xã, cứng hóa đường ngõ xóm 42.220km, xây dựng được 68.797 cây cầu, 98% hộ có điện, xây dựng nhiều đê và hồ,... Nhờ phát triển giao thông NT nên các hộ có điều kiện mua sắm phương tiện sản xuất, ứng dụng công nghệ cao, giống mới lai tạo đột biến, công nghệ nhà lưới, nhà kính trồng rau, hoa quả đã thúc đẩy năng suất, giá trị sản phẩm NN tăng nhanh.

Vì vậy, đến năm 1979, Hàn Quốc có 98% số làng tự chủ về kinh tế. Thắng lợi của ngành NN Hàn Quốc được tổng kết thành 6 bài học lớn như sau:

Thứ nhất, phát huy nội lực của nhân dân để xây dựng kết cấu hạ tầng NT với phương châm “*nhân dân quyết định và làm mọi việc*”.

Thứ hai, phát triển sản xuất để tăng thu nhập.

Thứ ba, đào tạo cán bộ phục vụ cán bộ NT Hàn Quốc.

Thứ tư, phát huy dân chủ để phát triển NT.

Thứ năm, phát triển kinh tế hợp tác từ phát triển cộng đồng như các hợp tác xã.

Thứ sáu, phát triển và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường bằng sức mạnh toàn dân.

Phong trào SU ở Hàn Quốc đã biến khu vực NT ngày càng giàu đẹp hơn, thành xã hội năng động có khả năng tự tích lũy, đầu tư và phát triển. Phong trào SU có mức đầu tư không lớn nhưng góp phần đưa Hàn Quốc từ một nước NN nghèo nàn, trở thành một quốc gia giàu có, hiện đại bậc nhất Châu Á.

2.1.3. Thái Lan: Sự trợ giúp mạnh mẽ của Nhà nước

Thái Lan vốn là một nước NN truyền thống với số NT chiếm khoảng 80% dân số cả nước. Để thúc đẩy sự phát triển NN, Thái Lan đã áp dụng một số chiến lược như: Tăng cường vai trò của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NN; đẩy mạnh phong trào học tập, nâng cao trình độ của từng cá nhân và tập thể bằng cách mở các lớp học và các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực NN và NT; tăng cường công tác bảo hiểm xã hội cho nông dân, giải quyết tốt vấn đề về nợ trong NN; giảm nguy cơ rủi ro và thiết lập hệ thống bảo hiểm rủi ro cho nông dân.

Đối với các sản phẩm NN, Nhà nước đã hỗ trợ để tăng sức cạnh tranh với các hình thức, như tổ chức hội chợ triển lãm hàng NN, đẩy mạnh công tác tiếp thị,... Nhà nước đã có chiến lược xây dựng kết cấu hạ tầng, hệ thống thủy lợi, năng lượng, cơ cấu lại ngành và cơ sở sản xuất công nghiệp phục vụ NN; phân bố hợp lý các công trình nhằm đảm bảo nhu cầu phát triển NN trên toàn quốc.

Thái Lan đã tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất hàng NN, thủy hải sản phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nhất là các nước công nghiệp phát triển.

2.2. Trong nước

2.2.1. Xây dựng Nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ninh

Chương trình xây dựng NTM ở Quảng Ninh đã được các cấp, các ngành, các địa phương đồng loạt triển khai thực hiện ở 125 xã. Với phương châm: “*Cùng với sự đầu tư lớn của Nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, phải huy động sức mạnh tổng hợp của toàn thể nhân dân, dựa vào nội lực của cộng đồng dân cư, mọi việc phải được dân biết, dân bàn, dân làm và dân hưởng thụ*”.

Đến cuối 2012, các tiêu chí về NTM ở Quảng Ninh đạt được tương đối cao như: 100% số xã hoàn thành phổ cập giáo dục THCS và y tế; 123/125 xã có điểm bưu điện cấp xã; 100% xã xóa nhà tạm, dột nát; 91/125 xã có trên 20% người dân tham gia bảo hiểm y tế; 89/125 xã có tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên trên 95%; 107/125 xã có an ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Toàn tỉnh có 28 xã đạt trên 20/39 chỉ tiêu NTM; 69 xã đạt từ 10-20/39 chỉ tiêu; 28 xã đạt dưới 10/39 chỉ

tiêu. Công tác lập đề án được cấp huyện, cấp xã tích cực thực hiện, đã có 101 xã hoàn thiện đề án, 59 xã thông qua HĐND cùng cấp, 5 xã đã được UBND huyện phê duyệt; có 87/125 xã đã thông qua phương án quy hoạch tổng thể trung tâm xã lần 1 và quy hoạch phát triển mạng lưới điểm dân cư NT lần 2.

2.2.2. Xây dựng Nông thôn mới ở Thái Bình

Thái Bình là tỉnh NN, có gần 90% số dân sống ở NT và hơn 70% lao động làm NN. Vì vậy, việc xây dựng NTM đang được thực hiện tích cực. Trong triển khai xây dựng NTM, mặc dù điểm xuất phát không giống nhau, nhưng các địa phương đều phải đạt năm mục tiêu: Sản xuất phát triển, cuộc sống sung túc, diện mạo NT sáng sủa, thôn xóm văn minh và quản lý dân chủ. Tỉnh đã tiến hành xây dựng mô hình NTM tại 8 xã điểm: Thanh Tân (Kiến Xương), Vũ Phúc (TP Thái Bình), Thụy Trình (Thái Thụy), An Ninh (Tiền Hải), Nguyên Xá (Vũ Thư), Trọng Quan (Đông Hưng), Hồng Minh (Hưng Hà) và Quỳnh Minh (Quỳnh Phụ).

Trong 8 hình mẫu về NTM thì Thanh Tân là điểm được xây dựng đầu tiên. Đến nay, xã đã xây xong quy hoạch chi tiết vùng sản xuất hàng hóa và vùng dân cư, đồng thời chuẩn bị tiếp nhận nguồn vốn của Ngân hàng thế giới xây dựng hệ thống cấp nước sạch. Mỗi vùng sản xuất hàng hóa được bố trí từ 30 - 100 ha trở lên, người dân sản xuất ở những thửa ruộng to hơn, trên đó đường bờ vùng từ 3,5 - 4 m. Hệ thống thủy lợi trong vùng phù hợp sản xuất bằng cơ giới hiện đại. Đó chính là kết quả của công tác dồn điền đổi thửa, một nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình xây dựng NTM ở Thái Bình hiện nay.

Cùng với sự phát triển kinh tế, Thái Bình còn chú trọng đẩy mạnh phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, dân chủ, bảo đảm 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% số trường học được xây dựng kiên cố. Hiện nay toàn tỉnh đã có 39/296 trường mầm non, 242/294 trường tiểu học, 57/274 trường THCS và 7/49 trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Tất cả các thôn, làng trong tỉnh đều có nhà văn hóa, thư viện và khu vui chơi giải trí; đồng thời tích cực thực hiện xóa đói, giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

2.2.3. Xây dựng Nông thôn mới ở Bình Phước

Xã Tân Lập (huyện Đồng Phú) có diện tích tự nhiên 7.316 hecta, trong đó diện tích đất NN là 6.210 hecta, chủ yếu trồng điều và cao su (4.700 ha). Dân số toàn xã có 2213 hộ với 9548 nhân khẩu.

Trước khi thực hiện Đề án xây dựng NTM, tháng 06/2009, Tân Lập đã đạt được 4/19 tiêu chí về NTM gồm: thủy lợi, bưu điện, hộ nghèo và an ninh trật tự. Đến cuối năm 2010, xã đã hoàn thành 14/19 tiêu chí. Năm 2011, đã hoàn thành thêm 2 tiêu chí là trường học và cơ sở vật chất văn hóa; các tiêu chí chưa đạt là: chợ NT, thu nhập bình quân đầu người bằng 1,2 lần bình quân khu vực NT của tỉnh (chỉ tiêu 1,5 lần), cơ cấu lao động ngành nông lâm nghiệp chiếm 32,3% (chỉ tiêu < 20%). Nhưng thu nhập bình quân đầu người chưa đạt được là do lĩnh vực sản xuất NN tại địa phương chưa được đầu tư đúng mức, kinh phí cho lĩnh vực này chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng kinh phí thực hiện đề án (123,665 tỷ đồng). Tân Lập là một xã NN nhưng chỉ tiêu cơ cấu lao động cho ngành nông - lâm nghiệp dưới 20% thực sự là không phù hợp khi điều kiện áp dụng và đầu tư cho cơ giới hóa còn rất hạn chế.

Nhìn chung, chương trình xây dựng NTM tại Tân Lập đã đem lại kết quả đáng khích lệ:

- Các công trình hạ tầng được xây mới, cải thiện điều kiện đi lại, sinh hoạt, giải trí của nhân dân.
- Thu nhập bình quân đầu người tăng đáng kể từ 9,5 triệu đồng/người/năm (06/2009) lên 18,5 triệu đồng/người/năm (06/2011).
- Vệ sinh môi trường được thực hiện tốt, trật tự, an toàn xã hội được tăng cường.
- Công tác chăm lo sức khỏe cộng đồng được nâng cấp,...

2.2.4. Xây dựng Nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long

Là vùng kinh tế trọng điểm với nhiều lợi thế phát triển NN nhưng nông dân, NT ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) vẫn còn không ít khó khăn. Chiến lược xây dựng NTM là cơ hội tốt để ĐBSCL phấn đấu làm thay đổi đời sống nông dân và bộ mặt NT.

Sau thời gian thực hiện, về cơ bản Chương trình đã đạt kết quả tương đối khả quan. Song, để Chương trình đạt kết quả tốt hơn, còn nhiều vấn đề cần được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Cụ thể:

Thứ nhất, do điều kiện, hoàn cảnh khác nhau nên việc hoàn thành các tiêu chí ở từng địa phương, khu vực cũng ở các mức độ khác nhau.

Điển hình là xã Đại Thành là xã đầu tiên của tỉnh Hậu Giang và cũng là xã đầu tiên ở ĐBSCL được công nhận đạt chuẩn NTM. Sau ba năm xây dựng NTM, đến nay, xã Đại Thành đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, với tổng vốn đầu tư trên 380 tỉ đồng, trong đó, nhân dân đóng góp trên 102,6 tỉ đồng. Điểm nổi bật của Đại Thành là sản xuất không ngừng phát triển, người dân biết liên kết và hình thành phương thức làm ăn mới để cùng phát triển bền vững. Nhờ vậy, thu nhập bình quân đầu người tăng cao, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư nâng cấp, trật tự xã hội được đảm bảo, cảnh quan môi trường sạch đẹp, quy chế dân chủ được phát huy, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.



Xã Đại Thành là xã đầu tiên của tỉnh Hậu Giang được công nhận đạt chuẩn NTM.

Ảnh: <http://www.kinhtenongthon.com.vn>

Ngoài ra, các tiêu chí trong nhóm về văn hóa - môi trường - xã hội cũng sẽ gặp không ít khó khăn ở các địa phương như Sóc Trăng, Cà Mau,... nên cần có sự đầu tư rất lớn.

Thứ hai, về kinh phí đầu tư. Chỉ riêng việc đầu tư cho 11 xã điểm (xã thấp nhất là 10 tỉ đồng, xã cao nhất 50 tỉ đồng), Nhà nước đã phải bỏ ra mấy trăm tỉ đồng. Do đó, đầu tư như thế nào có hiệu quả, vừa bảo đảm đạt mục tiêu, vừa hỗ trợ được các vùng, các địa phương đang gặp khó khăn vượt lên là yêu cầu cơ bản của quá trình này.

Thứ ba, việc xây dựng NTM là cần thiết, nhưng phải được tiến hành có trọng điểm và trong một quá trình lâu dài. Vì vậy nên tập trung vào các tiêu chí là yêu cầu cấp bách ở vùng NT như: hạ tầng KT - XH, điện, trường học, cơ sở văn hóa, y tế,... trong đó giao thông và thủy lợi giữ vị trí quan trọng hàng đầu.

Ngoài ra, ở vùng ĐBSCL cần phải phát huy hơn nữa vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở và nông dân trong xây dựng NTM, các xã cần chú ý đến các yêu cầu:

Một là, Trong xây dựng quy hoạch phải xuất phát từ thực tế, bố trí, sắp xếp đúng đắn, có trọng điểm phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Hai là, Cần có một đội ngũ cán bộ cơ sở đủ mạnh, đủ năng lực thực hiện Chương trình NTM.

Ba là, Nâng cao nhận thức của dân, cho dân thấy rõ trách nhiệm, quyền lợi của mình trong xây dựng NTM bằng đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

Đối với ĐBSCL, NT là địa bàn quan trọng không chỉ bảo đảm cho sự phát triển bền vững trong khu vực, mà còn sự tác động ảnh hưởng lớn đến sự phát triển chung của cả nước. Vì vậy, xây dựng NT ở ĐBSCL phát triển vững mạnh là yêu cầu quan trọng cấp thiết hiện nay.

Trên đây là một số kinh nghiệm trong phát triển NN, NT tại các quốc gia trên thế giới và một số địa phương ở nước ta đã cho thấy, những ý tưởng sáng tạo, khâu đột phá và sự trợ giúp hiệu quả của Nhà nước trên cơ sở phát huy tính tự chủ, năng động, trách nhiệm của người dân trong phát NN và xây dựng NT; tạo nên tăng thức đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

3. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ

3.1. Khái quát về khu vực nông thôn Thành phố Cần Thơ

Là thành phố trực thuộc Trung ương nhưng năm 2012 TP. Cần Thơ có 36 xã, chiếm 42,35% đơn vị hành chính cùng cấp; thuộc các huyện: Vĩnh Thạnh (9 xã), Cờ Đỏ (9 xã), Phong Điền (6 xã), Thới Lai (12 xã); dân số sống ở khu vực NT là 409.333 người (chiếm 33,85%); 246.821 người lao động trong khu vực 1 (chiếm 41,48% lao động; còn GDP của khu vực 1 đạt 6.829.892 triệu đồng (chiếm 11,55% tổng GDP của thành phố). Mặt khác, qua nghiên cứu, khảo sát thực tế thì đa số người dân ở khu vực NT sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Và, theo Đề án quy hoạch thành lập Vành đai NN ngoại thành TPCT thì có hơn 50% diện tích của vành đai NN thuộc khu vực NT của thành phố.

Như vậy, qua những thống kê sơ bộ cho thấy khu vực NN và NT của TPCT có vị trí quan trọng trong phát triển KT – XH chung của thành phố. Cho nên, việc phát triển NN và xây dựng NT ở TPCT ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại càng có một ý nghĩa đặc biệt trong việc thúc đẩy phát triển KT - XH của thành phố và nó càng có ý nghĩa đối với việc phát triển NN và NT vùng ĐBSCL.

3.2. Thực trạng xây dựng Nông thôn mới ở TP. Cần Thơ

Với phương châm: *“huy động nội lực tại chỗ là chính, lấy sức dân lo cho dân, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần thông qua các chương trình đầu tư theo quy hoạch và định hướng phát triển từng thời kỳ”* các cấp chính quyền, địa phương và nhân dân đã chung tay góp sức xây dựng NT ở TP. Cần Thơ trở thành vùng NTM.

Theo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM TP. Cần Thơ đến cuối tháng 10/2013, trong tất cả 36 xã thực hiện Chương trình NTM thì có 8 xã đạt từ 14 - 19 tiêu chí, 18 xã đạt từ 9 - 13 tiêu chí, 10 xã đạt từ 5 - 8 tiêu chí và không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí. Có 100% xã hoàn thành tiêu chí về quy hoạch và an ninh trật tự xã hội; các tiêu chí khác cũng đạt khá cao như về điện đạt 94%, y tế đạt 86%, hình thức tổ chức sản xuất đạt 80%, văn hóa đạt 75%, bưu điện đạt 69%,...

Từ năm 2010 đến tháng 10/2013, toàn thành phố huy động hơn 424,3 tỉ đồng phục vụ xây dựng NTM. Trong đó, vốn huy động từ nhân dân trên 55,63 tỉ đồng, chiếm tỷ lệ hơn 13%. Dù vốn huy động trong dân chưa cao nhưng cũng là điểm son đáng ghi nhận về sự chung tay, góp sức cư dân NT.

TP. Cần Thơ xác định cần tập trung tái cơ cấu sản xuất NN để hoàn thành tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất; bằng cách gắn xây dựng NTM với phát triển mô hình Cánh đồng lớn (tổng diện tích là 25.760 ha với 16.430 hộ tham gia), xem đây là bước đột phá nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân, tạo tiền đề huy động vốn từ nhân dân và hoàn thành các tiêu chí khác (như giao thông, thủy lợi, thu nhập, hộ nghèo, hình thức tổ chức sản xuất).

Chương trình xây dựng NTM ở TP. Cần Thơ được triển khai đồng loạt ở các địa phương nhưng kết quả đạt được ở những mức độ khác nhau do nhiều nguyên nhân. Kết quả đáng quan tâm nhất là ở huyện Phong Điền và Thới Lai.

- Tại Phong Điền:

Với diện tích 12.360 ha, trong đó đất NN là 10.634 ha; dân số toàn huyện là 99.468 người (2012) với khoảng 65% số dân có thu nhập chủ yếu từ NN. Chủ trương xây dựng NTM ở Phong Điền được thực hiện khá bài bản nên đến tháng 10/2013 đã có 6/6 xã đạt từ 12 – 19/20 tiêu chí so với Bộ tiêu chí của TPCT về NTM . Cụ thể: xã Mỹ Khánh đạt 19 tiêu chí, Giai Xuân đạt 16 tiêu chí, Tân Thới đạt 14 tiêu chí; Nhơn Nghĩa và Nhơn Ái đạt 13 tiêu chí và Trường Long đạt 12 tiêu chí. Huyện đã vận động nhân dân góp trên 20 tỉ đồng xây dựng, sửa chữa hơn 15km đường NT, gia cố đê bao, cống đập; trồng hoa trên 13km các trục đường tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp. Dự kiến đến cuối 2013, các xã nâng cao chất lượng các tiêu chí đã hoàn thành và phấn đấu hoàn thành thêm ít nhất 1 tiêu chí. Đến 2015, các xã ở Phong Điền phấn đấu đạt tất cả các tiêu chí về NTM.

- *Tại Thới Lai:*

Theo Ban Chỉ đạo Xây dựng NTM huyện Thới Lai, đến tháng 9/2013, 3 xã điểm của huyện đã đạt từ 13-17/20 tiêu chí như Trường Xuân đạt 17/20 tiêu chí, Đông Bình 14/20 tiêu chí và Thới Thạnh 13/20 tiêu chí. Hiện các xã đang đầu tư làm nền hạ, mở đường 4m để đạt tiêu chí về giao thông; nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ, các điểm trường để công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia. Về tiêu chí chợ NT, huyện tiến hành quy hoạch chợ; tiêu chí cơ cấu lao động, huyện xin chủ trương điều chỉnh theo Quyết định số 342/QĐ-TTg về việc sửa đổi một số tiêu chí về NTM. Đối với tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa và tiêu chí môi trường, 3 xã đang tiến hành nâng cấp điểm thu gom rác tại các ấp, chợ, khu dân cư,... phấn đấu đạt 2 tiêu chí này vào cuối năm 2014.

Các xã còn lại như Đông Thuận hoàn thành 12/20 tiêu chí; Trường Xuân A, Định Môn, Xuân Thắng đạt 11/20 tiêu chí; Thới Tân và Trường Thành 8/20 tiêu chí; Trường Xuân B, Trường Thắng và Tân Thạnh 7/20 tiêu chí. Giai đoạn 2014-2015, Thới Lai phấn đấu có 5 xã đạt trên 14 tiêu chí, 4 xã đạt từ 10-14 tiêu chí và 3 xã điểm phấn đấu đạt chuẩn NTM vào năm 2015.

Mặc dù, đạt được những kết quả bước đầu, song việc xây dựng NTM ở TPCT vẫn còn nhiều lúng túng, nhất là việc xác định cơ cấu nguồn lực để bố trí kế hoạch; thành viên Ban Chỉ đạo, nhất là ở cơ sở còn nặng về công tác chuyên môn ngành lại không được bố trí phân công rõ ràng nên hoạt động còn nhiều hạn chế; phân bổ nguồn kinh phí chưa hợp lý. Công tác quản lý khai thác vận hành các dự án đầu tư vào lĩnh vực NTM còn nhiều yếu kém, việc duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật chưa được chú trọng, từ đó việc duy trì bền vững các tiêu chí đạt được gặp nhiều khó khăn;...

Vì vậy, để Chương trình xây dựng NTM ở TP. Cần Thơ sớm đạt được kết quả tối ưu thì cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, địa phương và nhất là sự đồng thuận trong nhân dân. Từ đó, mới có thể phát huy hết sức mạnh toàn dân vào công cuộc xây dựng NT ngày càng giàu đẹp, hiện đại hơn, để vùng NT của TP. Cần Thơ phát triển tương xứng với sự phát triển chung của thành phố.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phát triển NN và xây dựng NT ngày càng giàu đẹp, hiện đại là con đường tất yếu nhằm rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và NT. Xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn thể xã hội của nước ta trong công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong quá trình triển khai thực hiện ở các địa phương bên cạnh những kết quả đạt được thì cũng gặp những hạn chế nhất định nên cần phải học hỏi kinh nghiệm ở một số nơi và sáng tạo vận dụng cho phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương.

Là thành phố trực thuộc Trung ương, nhưng diện tích khu vực NT và số dân sống ở NT còn lớn. Vì vậy, phát triển NN và NT TP. Cần Thơ có một vị trí hết sức đặc biệt trong việc nâng cao vai trò của thành phố và là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển NN và NT của các tỉnh thành khác trong vùng. Do đó, Cần Thơ cần đề ra những giải pháp phù hợp tình hình thực tế của thành phố để sớm đưa vùng NT của TP. Cần Thơ thành vùng NTM. Qua đó, tác giả cũng có những kiến nghị như sau:

1. Quy hoạch khu vực NT và lãnh thổ sản xuất NN phải phù hợp với quy hoạch phát triển chung của thành phố trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phải mang tính chất chiến lược.
2. Cần xác định rõ vai trò, vị trí và trách nhiệm của từng đơn vị, tổ chức, đoàn thể, cá nhân,... tham gia vào Chương trình xây dựng NTM ở TP. Cần Thơ. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đối tượng tham gia vào Chương trình, nhất là phải có sự đồng thuận cao trong nhân dân.
3. Các chỉ tiêu được đề ra phải phù hợp với tình hình thực tế của thành phố, không nên đề ra quá cao để sớm đạt được “bệnh thành tích”.
4. Việc phân bổ các nguồn kinh phí phải hợp lý với từng nội dung và từng giai đoạn thực hiện.
5. Cần xác định rõ đối tượng cây trồng vật nuôi cho phù hợp với từng vùng sản xuất của khu vực NT nhưng phải đáp ứng được nhu cầu của thị trường.
6. Nâng cao trình độ và xác định cơ cấu ngành nghề hợp lý với trình độ của người lao động ở vùng NT nhằm từng bước tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chuyển đổi cơ cấu ngành nghề;...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hà (2011), *Xây dựng NTM: hướng đi mới cho Quảng Ninh*, Tạp chí NN, số ngày 30/11/2011.
5. Vũ Kiềm (2011), *Xây dựng NTM ở Thái Bình*, Tạp chí Phát triển NT, số tháng 6/2011.
2. Từ Tinh Minh và cộng sự (2010), *5 kinh nghiệm quý báu trong quá trình xây dựng NTM của tỉnh Tiền Giang*, Tạp chí NN & NT, số tháng 4/2011.
3. Ibrahim Ngah (2011), *Kinh nghiệm xây dựng NTM ở Malaysia*, Hội Thảo xây dựng NTM, Hà Nội tháng 10/2011.
4. Ngân Hàng Thế Giới, Báo cáo phát triển NN năm 2008, *Tăng cường cho phát triển NN*, Nxb Văn hóa – Thông tin.
5. Niên giám Thống kê Thành phố Cần Thơ năm 2011, Nxb Thống kê.
6. Edward P. Reed (2011), *Kinh nghiệm xây dựng NTM tại Hàn Quốc*, Hội Thảo xây dựng NTM, Hà Nội tháng 10/2011.
7. Tưởng Kiến Trung (2009), *Nguồn gốc, những kinh nghiệm quý báu và ý nghĩa của phong trào xây dựng NTM ở Hàn Quốc*; Agriculture policy development in Korea and current issues, *Ministry for Food, Agriculture, Forestry and Fisheries*.
8. Các website: www.agroviet.gov.vn; www.baoyenbai.com.vn; www.cantho.gov.vn; chinhphu.vn; www.gso.gov.vn; www.sonongnhipecancho.gov.vn